

Số: 43/KH-MNTrA

Tràng An, ngày 24 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NĂM 2025

Căn cứ quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đông Triều "V/v giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025" ;

Căn cứ quyết định số 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Đông Triều "Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 ;

Căn cứ vào Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 65/2021/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Căn cứ hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2024-2025 theo NQ42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ hướng dẫn số 1468/HD-SGD&ĐT ngày 09/5/2024 về triển khai Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 65/2021/NQ-HĐND ngày

19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ công văn số 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập.

Căn cứ Công văn 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 về tăng cường công tác quản lý thu- chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 336/KH-MNTrA ngày 20/09/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Trường MN Tràng An xây dựng kế hoạch quản lý tài chính năm 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.

1. Mục đích.

- Quản lý tài chính góp phần nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng nguồn ngân sách được giao và các khoản thu theo thỏa thuận, thu khác trong nhà trường đảm bảo thiết thực, hiệu quả góp phần nâng cao công tác chăm sóc giáo dục trẻ tránh gây thất thoát, lãng phí.

- Quản lý tài chính nhằm đảm bảo có hiệu quả các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường. Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 và thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra.

- Quản lý tài chính nhằm tăng cường sử dụng các khoản đóng góp của phụ huynh, đảm bảo đúng mục đích, lấy thu, bù chi đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng lãng phí.

2. Yêu cầu.

- Công tác quản lý tài chính phải đảm bảo đúng quy định, công khai dân chủ và minh bạch. Thực hiện nghiêm túc Luật ngân sách Nhà nước, luật phòng chống tham nhũng, lãng phí và các quy định hiện hành.

3. Nguyên tắc.

- Chi tiêu, sử dụng kinh phí của đơn vị phải thực hiện theo đúng mục đích cấp phát, dự toán được duyệt, theo đúng tiêu chuẩn định mức, chế độ thanh toán hiện hành và phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ làm căn cứ cho việc ghi sổ kế toán, quyết toán, kiểm tra, kiểm soát. Phải thực hiện triệt để tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí trong đơn vị; Kiên quyết cắt giảm những khoản chi dùng không thực sự cần thiết, mang tích chất phô trương hình thức...

- Không được tự đặt ra các khoản thu chi trái với pháp luật và đơn vị quản lý cấp trên chưa cho phép. Đảm bảo nguyên tắc tổng số chi không vượt quá tổng số thu.

II. PHẦN THU.

1. Ngân sách được cấp năm 2025: 5.443.356.000đ.

1.1 Nguồn kinh phí tự chủ năm 2024: 5.259.536.000đ

Trong đó:

- + Chi thanh toán cá nhân: 4.490.128.000đ
- + Chi chuyên môn, chi khác: 769.408.000đ
- Các công việc chính:
 - + Phân khai nguồn kinh phí chi cho thanh toán cá nhân
 - + Phân khai nguồn kinh phí chi cho công tác chuyên môn
 - + Phân khai nguồn kinh phí chi cho mua sắm, sửa chữa, tu bổ CSVC
 - + Phân khai nguồn kinh phí cho hoạt động khác

1.2 Nguồn kinh phí không tự chủ năm 2024: 183.820.000đ

Trong đó:

- + Chi CSSKBĐ cho học sinh mầm non: 7.560.000đ
- + Chi hỗ trợ cho bảo vệ, nhân viên phục vụ: 166.660.000đ
- + Chi kinh phí bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV: 9.600.000đ

2. Giao thu nguồn học phí năm 2025

- Tổng giao năm 2024: 295.375.000đ

Trong đó:

- + Chi chuyên môn, chi khác: 295.375.000đ

3. Các khoản thu khác năm 2025:

3.1 Các khoản thu, mức thu năm học 2024-2025:

- Thuê người nấu ăn: 107.400.000đ/trẻ/tháng
- Quản lý học sinh trong giờ bán trú: 135.000đ/trẻ/tháng
- Tiền ăn, chất đốt, chi phí gián tiếp: 22.000đ/trẻ/tháng
- Mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú: 50.000đ/trẻ/năm

Các khoản thu trên được quyết toán theo tháng, căn cứ vào bảng chấm ăn của các lớp, bảng chấm công, bảng phân công của bộ phận chuyên môn, kế toán

lập danh sách thu gửi thủ quỹ thu tiền vào ngày cuối cùng của tháng hoặc trước ngày mùng 10 của tháng sau.

III-KẾ HOẠCH CHI:

1. Chi tiết các nội dung

1.1. Ngân sách tự chủ năm 2025:

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2025

(Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-PGDDT ngày 25/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều)

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<u>Tổng số</u>	<u>5.259.536.000</u>	<u>1.375.416.974</u>	<u>1.319.371.974</u>	<u>1.287.624.078</u>	<u>1.277.122.974</u>
<u>A</u>	<u>Kinh phí tự chủ</u>	<u>5.259.536.000</u>	<u>1.375.416.974</u>	<u>1.319.371.974</u>	<u>1.287.624.078</u>	<u>1.277.122.974</u>
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>4.520.380.000</u>	<u>1.125.531.974</u>	<u>1.125.531.974</u>	<u>1.143.784.078</u>	<u>1.125.531.974</u>
	Mục 6000: Tiền lương	2.528.068.000	632.017.000	632.017.000	632.017.000	632.017.000
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-				
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.249.242.800	312.310.674	312.310.674	312.310.778	312.310.674
	Mục 6200: Tiền thưởng	18.252.000			18.252.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	712.817.200	178.204.300	178.204.300	178.204.300	178.204.300
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>602.156.000</u>	<u>207.885.000</u>	<u>158.840.000</u>	<u>118.840.000</u>	<u>116.591.000</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	35.000.000	10.000.000	8.000.000	8.000.000	9.000.000
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	75.000.000	30.000.000	20.000.000	15.000.000	10.000.000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	16.565.000	4.565.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
	Mục 6650: Hội nghị	8.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Mục 6700: Công tác phí	21.000.000	4.000.000	5.000.000	5.000.000	7.000.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	79.360.000	59.520.000	19.840.000		
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	113.231.000	25.800.000	25.000.000	34.840.000	27.591.000
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	100.000.000	30.000.000	30.000.000	20.000.000	20.000.000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	134.000.000	42.000.000	35.000.000	25.000.000	32.000.000
<u>-</u>	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	20.000.000		10.000.000	5.000.000	5.000.000
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>137.000.000</u>	<u>42.000.000</u>	<u>35.000.000</u>	<u>25.000.000</u>	<u>35.000.000</u>
	Mục 7750: Chi khác	137.000.000	42.000.000	35.000.000	25.000.000	35.000.000

*** Nhu cầu sửa chữa, cải tạo, mua sắm năm 2025:**

STT	Nội dung công việc	Nhu cầu	Dự kiến kinh phí (đồng)	Dự kiến nguồn kinh phí
1	Mua máy tính xách tay phục vụ chuyên môn	Mua mới	20.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
2	Mua bàn ghế phòng hiệu trưởng	Mua mới	5.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
3	Mua máy tính để bàn phòng phó hiệu trưởng, y tế	Mua sắm	18.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
4	Mua máy tính kidmart (05 máy)	Mua mới	80.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
5	Làm khu trải nghiệm cho trẻ	Làm mới	50.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
6	Làm rèm che cửa sổ, hiên cho dãy lớp học mới	Làm mới	30.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
7	Làm mái tôn trước cửa dãy lớp học mới	Làm mới	98.000.000	Kinh phí tự chủ năm 2025
	Tổng		301.000.000	

1.2. Nguồn thu học phí năm 2025:

**THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NGUỒN HỌC PHÍ
NĂM 2025**

ĐVT: Đồng

NHC	Nội dung	Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	Dự toán thu học phí	295.375.000	73.843.750	73.843.750	73.843.750	73.843.750
B	Dự toán chi nguồn học phí	295.375.000	73.843.750	73.843.750	73.843.750	73.843.750
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	=	=	=	=	=
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>262.375.000</u>	<u>75.000.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>75.000.000</u>	<u>57.375.000</u>
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	30.000.000	10.000.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	-				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	119.375.000	30.000.000	20.000.000	35.000.000	34.375.000
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-				
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	113.000.000	35.000.000	25.000.000	35.000.000	18.000.000
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>33.000.000</u>	<u>8.250.000</u>	<u>8.250.000</u>	<u>8.250.000</u>	<u>8.250.000</u>
	Mục 7750: Chi khác	33.000.000	10.000.000	15.000.000		8.000.000

***Dự kiến chi các hoạt động chuyên môn năm 2025:**

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kinh phí (đồng)	Dự kiến thời gian
1	Tổng kết năm học 2024-2025	15.000.000	Tháng 5
2	Chi khai giảng	14.000.000	Tháng 9
4	Chi ngày 20/11	15.000.000	Tháng 11
5	Chi phun thuốc muỗi	13.000.000	Tháng 12
	Tổng	57.000.000	

1.3 Chi chế độ chính sách cho học sinh (từ nguồn không tự chủ)

Năm học 2024-2025 nhà trường có 01 học sinh thuộc hộ cận nghèo, 01 hộ nghèo và 01 học sinh mất nguồn nuôi dưỡng Trong đó:

- Hỗ trợ miễn học phí theo NQ 21/2021: 01 trẻ
- Hỗ trợ miễn học phí theo NQ 42/2024: 02 trẻ
- Hỗ trợ CPHT theo NQ 21/2021: 3 trẻ
- Hỗ trợ ăn trưa theo NĐ 105/2020: 2 trẻ
- Hỗ trợ ăn trưa theo NQ 204/2019: 01 trẻ

1.4. Nguồn thu ngoài ngân sách năm học 2024-2025(các khoản đóng góp theo thỏa thuận):

- + Chi thuê người nấu ăn: 107.400đ/ trẻ/tháng (bao gồm cả hỗ trợ đóng BH cho người lao động)
- + Chi quản lý học sinh trong giờ bán trú: 135.000đ/trẻ/ tháng.
- + Chi tiền ăn: 22.000đ/trẻ/ngày

IV. Quản lý chế độ chứng từ kế toán.

Mọi số liệu ghi vào sổ kế toán bắt buộc phải chứng minh bằng chứng từ kế toán hợp pháp và hợp lệ. Chứng từ kế toán hợp pháp là chứng từ được lập theo đúng mẫu quy định. Việc ghi chép trên chứng từ phải đúng nội dung, bản chất, mức độ nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được pháp luật cho phép, có đủ chữ ký của người chịu trách nhiệm và dấu của nhà trường.

Sử dụng chứng từ theo các tiêu chí phân loại chứng từ.

Chứng từ gốc: Là loại chứng từ phản ánh trực tiếp hoạt động kinh tế, tài chính xảy ra, sao chụp lại nguyên vẹn. Do đó chứng từ gốc là cơ sở ghi chép, tính toán số liệu, tài liệu ghi sổ kế toán, thông tin các hoạt động kinh tế, tài chính. Chứng từ tổng hợp là chứng từ kế toán được dùng để tổng hợp tài liệu từ các chứng từ gốc cùng loại phục vụ ghi sổ kế toán cùng loại.

Chứng từ kế toán theo quy định chung của Nhà nước là chứng từ kế toán thống nhất và bắt buộc được Nhà nước ban hành áp dụng thống nhất cho tất cả các đơn vị.

V. Quản lý chế độ sổ kế toán và tài khoản kế toán.

1. Chỉ đạo việc mở và ghi chép sổ kế toán.

Việc mở, ghi chép sổ kế toán phải đảm bảo, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực, liên tục có hệ thống tình hình tài sản, tình hình nhận, cấp phát và sử dụng kinh phí, các khoản thu, chi nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính kế toán của trường mầm non Tràng An.

Sổ kế toán phải được mở đầu niên độ kế toán hoặc khi bắt đầu hoạt động. Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm ký duyệt vào sổ kế toán trước khi sử dụng.

2. Chỉ đạo sử dụng hình thức sổ kế toán.

Trường mầm non Tràng An chỉ được mở và giữ một hệ thống sổ kế toán chính thức trong ba hình thức sổ kế toán sau: Sổ kế toán nhật ký chung, sổ kế toán nhật ký – Sổ cái, sổ kế toán chứng từ ghi sổ (Theo quy định của cơ quan cấp trên).

Sổ kế toán phải được quản lý chặt chẽ, phân công đồng chí Nguyễn Thị Dung nhân viên kế toán có trách nhiệm giữ và ghi sổ. Đ/c Nguyễn Thị Dung phải chịu trách nhiệm về những điều ghi trong sổ và giữ sổ trong suốt thời gian dùng sổ.

- Nhân viên Kế toán phải dùng giấy tốt, đảm bảo rõ ràng, sạch sẽ, cấm tẩy xóa, và thay thế....

3. Chỉ đạo sử dụng phương pháp tài khoản kế toán.

Phương pháp tài khoản kế toán là phương pháp kế toán để phân loại đối tượng chung của kế toán thành các đối tượng cụ thể.

Tài khoản kế toán xác định vốn và nguồn vốn vì yêu cầu các cơ sở giáo dục xác định đúng hệ thống tài khoản kế toán và định khoản theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Chỉ đạo quyết toán và báo cáo tài chính.

Quyết toán và báo cáo kế toán phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Số liệu phải chính xác, trung thực với số liệu trong sổ kế toán.
- Nội dung báo cáo, quyết toán phải theo đúng nội dung ghi trong dự toán được duyệt theo mục lục ngân sách.
- Quyết toán, báo cáo không được chi lớn hơn thu.
- Hàng quý phải đối chiếu và phải có xác nhận của KBNN nơi giao dịch.
- Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, tình hình cấp phát, tiếp nhận kinh phí Nhà nước, kinh phí tài trợ, viện trợ, tình hình sử dụng loại kinh phí.
- Nội dung của hệ thống báo cáo tài chính.
- Bảng cân đối tài khoản, tổng hợp và quyết toán kinh phí.
- Tình hình tăng giảm tài sản cố định.
- Kết quả hoạt động sự nghiệp có thu.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trên đây là kế hoạch quản lý tài chính của trường mầm non Tràng An năm 2025./.



Đoàn Thị Thùy Dương